

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-NC

Gia Lai, ngày tháng 7 năm 2025

V/v thực hiện giải quyết chế độ,
chính sách theo quy định tại Nghị
định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị
định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ

Kính gửi:

- Văn phòng ĐDBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- BHXH Khu vực XXIII tại tỉnh Gia Lai;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh;
- Các Hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai; Nghị định số 178/2024/NĐ-CP¹ (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP²) của Chính phủ (gọi chung là Nghị định số 178/2024/NĐ-CP), Văn bản số 1814/BNV-TCBC ngày 26/4/2025 và Văn bản số 2034/BNV-TCBC ngày 05/5/2025 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP; Công điện số 62/CĐ-TTg ngày 12/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường (gọi chung là cơ quan, đơn vị, địa phương) triển khai thực hiện các nội dung sau:

I. Về quy trình giải quyết chế độ, chính sách nghỉ việc (nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc):

1. Các bước thực hiện:

¹ Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

² Nghị định 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

Bước 1: Xem xét quy trình công tác cán bộ và ban hành quyết định nghỉ việc (nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ thôi việc):

Phòng ban, bộ phận làm công tác cán bộ của các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, lập danh sách và tổng hợp hồ sơ báo cáo người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị lấy ý kiến tập thể lãnh đạo và cấp ủy của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương mình (bằng hình thức họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản) về việc nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (sau đây viết tắt là CBCCVC, NLĐ) thuộc phạm vi quản lý, để xác định đối tượng nghỉ việc do thực hiện sắp xếp bộ máy, đơn vị hành chính các cấp thuộc đối tượng được hưởng chính sách, chế độ theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP.

Căn cứ Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, các văn bản hướng dẫn của Bộ Nội vụ và của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản này, cơ quan, đơn vị, địa phương theo phân cấp xác định đúng đối tượng nghỉ việc được hưởng chính sách, chế độ theo quy định và hồ sơ giải quyết chính sách, chế độ trình cấp có thẩm quyền thực hiện quy trình công tác cán bộ theo phân cấp quản lý để xem xét, cho chủ trương; sau khi có thông báo kết luận của cấp có thẩm quyền về công tác cán bộ, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương ban hành quyết định nghỉ việc đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo phân cấp (trừ thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh quyết định sau khi có thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy).

Bước 2: Cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp quản lý, sử dụng CBCCVC, NLĐ thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp lập hồ sơ, danh sách đối tượng và kinh phí thực hiện giải quyết chế độ, chính sách và trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ thẩm định đối tượng; sau khi thẩm định đối tượng, Sở Nội vụ gửi Sở Tài chính thẩm định kinh phí và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định).

Lưu ý: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương lập hồ sơ, danh sách đối tượng, kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về đối tượng được hưởng chế độ, chính sách, thông tin, thành phần hồ sơ giải quyết phải đảm bảo tính trung thực, đúng đắn và chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Bước 3: Thẩm định về đối tượng

- Cơ quan, đơn vị, địa phương có thẩm quyền theo phân cấp quản lý tổng hợp lập hồ sơ, danh sách và kinh phí gửi Sở Nội vụ thẩm định đối tượng.

- Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định đối tượng, sau khi thẩm định đối tượng gửi Sở Tài chính thẩm định về kinh phí.

Bước 4: Thẩm định về kinh phí (đối với các trường hợp đã được Sở Nội vụ thẩm định đối tượng được hưởng chính sách, chế độ): Sở Tài chính thẩm định kinh phí và tổng hợp chung, dự thảo Quyết định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt danh sách đối tượng và kinh phí được hưởng chính sách, chế độ.

Bước 5: Sau khi có quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương có thẩm quyền theo phân cấp hiện hành quyết định chi trả chính sách, chế độ đối với từng đối tượng cụ thể.

2. Thành phần hồ sơ đề nghị giải quyết chính sách, chế độ, gồm:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị, địa phương kèm theo danh sách và kinh phí thực hiện chính sách, chế độ (theo mẫu danh sách gửi kèm Văn bản này). Nội dung văn bản đề nghị nêu rõ: Số lượng đối tượng có đơn tự nguyện xin nghỉ việc; nêu rõ lý do không đạt tiêu chí của từng người; số lượng đối tượng nghỉ việc theo kết quả rà soát tổng thể, đánh giá chất lượng theo tiêu chí của cơ quan, tổ chức, đơn vị; nêu rõ việc sắp xếp cơ quan, phòng ban, bộ phận, đơn vị hành chính chịu tác động trực tiếp trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trong đó, phải khẳng định được các nội dung: Các đối tượng đề nghị nghỉ việc đáp ứng đủ điều kiện theo quy định, không thuộc đối tượng theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, không trong thời gian bị kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, xem xét, xử lý kỷ luật, bị kiến nghị xử lý vi phạm theo kết luận thanh tra, giải quyết tố cáo và bị điều tra. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về đối tượng và nội dung đề nghị.

b) Đơn đề nghị nghỉ việc hưởng chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và có ý kiến đồng ý của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng (đối với đối tượng có đơn tự nguyện xin nghỉ việc, có mẫu gửi kèm theo Văn bản này).

c) Biên bản họp tập thể lãnh đạo và cấp ủy của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương hoặc văn bản ý kiến của các Lãnh đạo và cấp ủy của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương về việc nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc đối với các trường hợp đề nghị hưởng chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP.

d) Các văn bản sau:

- Quyết định tuyển dụng công chức, viên chức (đối với trường hợp là công chức, viên chức); Hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động trước thời điểm ngày 15/01/2019 và hợp đồng lao động được chuyển tiếp ký sau

ngày 15/01/2019 (đối với trường hợp là người lao động); Quyết định bổ nhiệm chức vụ (nếu có).

- Các quyết định/văn bản về lương và các khoản phụ cấp lương hiện hưởng (gồm: Phụ cấp chức vụ lãnh đạo; phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề; phụ cấp ưu đãi theo nghề; phụ cấp trách nhiệm theo nghề; phụ cấp công tác đảng, phụ cấp công vụ, phụ cấp đặc thù (nếu có).

- Sổ BHXH hoặc Bản ghi quá trình đóng BHXH hoặc Phiếu đối chiếu quá trình đóng BHXH có dấu và chữ ký của cơ quan BHXH trong thời hạn kể từ ngày đề nghị tính đến thời điểm nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc.

- Giấy cam kết chưa hưởng trợ cấp thôi việc, mất việc làm hoặc chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần hoặc chưa hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ trong thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được cung cấp để tính chế độ chính sách (có xác nhận của cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng).

- Quyết định của cấp có thẩm quyền cho CBCCV, NLĐ nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ thôi việc.

- Văn bản công bố kết quả rà soát, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo tiêu chí của cơ quan, tổ chức, đơn vị *(đối với đối tượng phải nghỉ việc theo kết quả rà soát tổng thể, đánh giá chất lượng theo tiêu chí đánh giá)*.

- Các văn bản, giấy tờ khác có liên quan.

Số lượng thành phần hồ sơ kèm theo danh sách từng đối tượng được hưởng chính sách, chế độ nói trên tại điểm a, b, c, d khoản 2 Mục I Văn bản này; cơ quan, đơn vị, địa phương gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Nội vụ (số 180 Tăng Bạt Hổ, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai) để thẩm định đối tượng, 01 bộ hồ sơ về Sở Tài chính (số 181-183 Lê Hồng Phong, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai) để thẩm định kinh phí. Hồ sơ của từng trường hợp đề nghị hưởng chính sách, chế độ điền thông tin Phiếu thống kê hồ sơ tại Phụ lục kèm theo Văn bản này. Đồng thời, các cơ quan, đơn vị, địa phương theo thẩm quyền phân cấp quản lý phải chịu trách nhiệm kiểm tra, rà soát thông tin, tính đúng đắn và lưu giữ theo quy định của pháp luật.

II. Về hồ sơ, giải quyết và chuyển tiếp hồ sơ giải quyết chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP:

1. Về hồ sơ giải quyết chính sách, chế độ:

a) Trường hợp CBCCV, NLĐ đã có hồ sơ và cơ quan, đơn vị, địa phương đã gửi hồ sơ đề nghị giải quyết chính sách, chế độ nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách đối tượng, kinh phí trước ngày văn bản này

được ban hành thì tiếp tục thực hiện trình tự thủ tục, hồ sơ theo hướng dẫn của tỉnh Gia Lai (cũ), tỉnh Bình Định.

b) Trường hợp lập hồ sơ đề nghị giải quyết chính sách, chế độ từ ngày văn bản này được ban hành thì thực hiện trình tự thủ tục, hồ sơ theo hướng dẫn tại văn bản này.

2. Về chuyên tiếp hồ sơ giải quyết chính sách, chế độ:

a) Đối với cấp tỉnh:

Trường hợp CBCCVC, NLD cấp tỉnh đã đăng ký trước thời điểm hợp nhất, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh nhưng chưa được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở cấp tỉnh quyết định nghỉ việc, lập danh sách và hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết chính sách, chế độ hoặc đã quyết định nghỉ việc, lập danh sách và hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết chính sách, chế độ nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách đối tượng và kinh phí hoặc trường hợp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách đối tượng và kinh phí nhưng chưa thực hiện chi trả thì cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh mới tương ứng sau khi hợp nhất, sáp nhập tiếp tục thực hiện giải quyết chính sách, chế độ theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, các văn bản của Bộ Nội vụ và văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh.

b) Đối với cấp xã:

Trường hợp cán bộ, công chức cấp xã (bao gồm CBCCVC, NLD cấp huyện trước thời điểm kết thúc hoạt động) đã đăng ký trước thời điểm chấm dứt hoạt động cấp huyện, hợp nhất, sáp nhập cấp xã nhưng chưa được UBND cấp huyện quyết định nghỉ việc, lập danh sách và hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết chính sách, chế độ hoặc đã quyết định nghỉ việc, lập danh sách và hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết chính sách, chế độ nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách đối tượng và kinh phí hoặc trường hợp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách đối tượng và kinh phí nhưng chưa thực hiện chi trả thì đơn vị hành chính cấp xã mới tiếp nhận và tiếp tục thực hiện, xem xét, quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết chính sách, chế độ theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP (*đối với CBCCVC, NLD cấp huyện thì cấp xã mới có trụ sở đặt tại Trung tâm hành chính cấp huyện cũ tiếp nhận hồ sơ, tiếp tục xem xét, đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết chính sách chế độ; đối với cán bộ, công chức cấp xã thì cấp xã mới nơi cán bộ, công chức cấp xã công tác thực hiện theo phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tiếp nhận, tiếp tục xem xét, đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết chính sách chế độ*).

c) Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị kết thúc hoạt động, giải thể thì cơ quan, đơn vị mới sau hợp nhất, sáp nhập hoặc cơ quan tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ (kèm theo tổ chức, bộ máy và con người) có trách nhiệm:

- Tiếp tục thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý, sử dụng CBCCVC, NLĐ theo đúng quy định của pháp luật.

- Trên cơ sở danh sách CBCCVC, NLĐ đã được bàn giao và danh sách đã đăng ký nghỉ việc theo chế độ, chính sách Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, thì cơ quan, đơn vị mới có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ đảm bảo theo quy định; việc đánh giá, nhận xét để thực hiện giải quyết chế độ, chính sách do tập thể lãnh đạo, cấp ủy cơ quan mới thực hiện trên cơ sở kế thừa việc nhận xét, đánh giá, xếp loại trước đó để xem xét, quyết định.

III. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và các văn bản của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm việc xác định đúng đối tượng, thành phần hồ sơ hưởng chính sách, chế độ theo quy định; trường hợp không đúng đối tượng thì phải thu hồi quyết định nghỉ việc, đồng thời xem xét trách nhiệm cá nhân có liên quan. Cơ quan, đơn vị, địa phương nào thực hiện quy trình, thủ tục hồ sơ chưa đảm bảo theo đúng hướng dẫn của UBND tỉnh thì cơ quan thẩm định không xem xét, giải quyết.

2. Sở Nội vụ có trách nhiệm thẩm định đối tượng; thường xuyên nắm bắt tình hình thực tế, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, phản ánh (nếu có) của các cơ quan, đơn vị, địa phương, kịp thời hướng dẫn, xử lý theo thẩm quyền, trường hợp vượt thẩm quyền thì chủ động báo cáo cấp có thẩm quyền.

Chủ trì theo dõi, tổng hợp, báo cáo việc thực hiện chính sách, chế độ nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định kinh phí; chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan thực hiện hướng dẫn quy trình, thủ tục liên quan đến cấp, chi trả kinh phí để thực hiện chính sách, chế độ theo quy định.

- Căn cứ văn bản thẩm định đối tượng của Sở Nội vụ, chủ trì thẩm định kinh phí thực hiện giải quyết chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn có liên quan và phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

- Hàng năm, căn cứ tình hình thực hiện chính sách, chế độ (bao gồm số đối tượng và số tiền trợ cấp cho từng đối tượng), dự kiến kế hoạch thực hiện

chính sách, chế độ năm sau liền kề, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chính sách, chế độ để tổng hợp chung vào nhu cầu cải cách tiền lương trong dự toán ngân sách nhà nước của năm sau liền kề.

4. Bảo hiểm xã hội khu vực XXIII tại tỉnh Gia Lai: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có liên quan giải quyết chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội đối với đối tượng nghỉ hưu kịp thời, theo đúng quy định.

Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh yêu cầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các Sở: Nội vụ, Tài chính (t.h);
- LĐVP UBND tỉnh;
- Các đơn vị thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, C6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh